

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

Hà Nội - Tháng 04 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 46

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), được thành lập theo quyết định số 63/1998/QĐ-BCN ngày 22/9/1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Kể từ ngày 01/06/2011, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần theo Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 10/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100779365 thay đổi lần thứ năm do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2011 thì vốn điều lệ của Tổng Công ty là 550.000.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 5 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Gia Du	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thế Thành	Phó Chủ tịch
	Ông Hoàng Chí Cường	Thành viên
	Bà Trần Thị Minh	Thành viên
	Ông Trần Đức Y	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Chí Cường	Tổng Giám đốc
	Ông Chu Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Sơn	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ 01/8/2018)
	Ông Tạ Đăng Tính	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đỗ Chí Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 08/3/2018)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018 được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Hoàng Chí Cường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

Số: 460/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam

Kính gửi:**Quý Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam, được lập ngày 22/04/2019, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa chất, Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp, Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn và Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ số dư công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2018. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không cung cấp được cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến nhận xét về số dư các khoản công nợ nêu trên được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2018.

Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất chưa nộp tiền thuế phải nộp, tiền phạt và tiền chậm nộp thuế theo thông báo số 5674/TB-CT ngày 21/02/2019 của Cục thuế thành phố Hải Phòng. Số tiền thuế nợ, tiền phạt chậm nộp vào Ngân sách Nhà nước tính đến 31/12/2018 là 11.811.280.296 đồng, trong đó số tiền phải nộp và phạt hành chính Công ty chưa ghi nhận là 6.974.416.169 đồng. Bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) liên quan đến vấn đề trên đều làm ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty.

Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn đang thực hiện trích chi phí khấu hao của một số tài sản cố định theo công suất hoạt động thực tế, dẫn đến chi phí khấu hao thực tế trích vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2018 thấp hơn so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 78,7 tỷ đồng (năm 2017 là: 88,03 tỷ đồng). Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của việc trích khấu hao này đến Kết quả hoạt động Kinh doanh và các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp ghi nhận lỗ Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn Hà Nội - Phần ngầm lỗ (11,05) tỷ đồng. Dự án được thực hiện theo hình thức đấu thầu Công ty trực tiếp thi công, có giá trị hợp đồng không bao gồm thuế là 171,24 tỷ đồng, công trình cơ bản đã thi công xong và chưa hoàn thành quyết toán. Hiện hợp đồng đã ghi nhận doanh thu lũy kế theo nghiệm thu từng lần với Chủ đầu tư tính đến 31/12/2018 là 145,99 tỷ đồng, doanh thu dự kiến còn được ghi nhận theo hợp đồng là 25,25 tỷ đồng, chi phí dở dang tại 31/12/2018 đã ghi nhận là 36,49 tỷ đồng, Công trình còn phát sinh chi phí thi công trong năm tiếp theo. Công ty chưa ghi nhận đủ khoản lỗ dự kiến tạm tính đến 31/12/2018 là của Dự án này là 11,46 tỷ đồng, do Công ty đang xem xét trách nhiệm cá nhân, tập thể liên quan để xác định ghi nhận khoản lỗ này khi quyết toán dự án. Do chưa thu thập đủ các bằng chứng để đánh giá tính phù hợp của khoản ghi nhận lỗ năm 2018 và khoản lỗ tiềm tàng của Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn Hà Nội - Phần ngầm. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá việc ghi nhận này và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng Công ty.

Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất công nghiệp đã ghi nhận chi phí trích trước 22,52 tỷ đồng của Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn Hà Nội - Phần ngầm, sau đó Công ty đã điều chỉnh hoàn nhập khoản chi phí trích trước này theo Báo cáo giải trình ngày 12/04/2019 của Giám đốc Công ty gửi Hội đồng Quản trị vì chưa đủ cơ sở ghi nhận và xác định lại để làm rõ một số chi phí vượt so với phương án kinh tế. Do chưa thu thập đủ các bằng chứng để đánh giá tính phù hợp của việc trích và điều chỉnh khoản chi phí trích trước của dự án tổ hợp TMVP 119 đường K2 Cầu Diễn HN - Phần ngầm. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở để đánh giá việc ghi nhận, điều chỉnh này và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc chưa hạch toán tiền lãi chậm nộp tiền bảo hiểm xã hội từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 31/12/2018 theo thông báo của cơ quan Bảo hiểm tỉnh Bắc Giang vào chi phí sản xuất kinh doanh với số tiền là 3.990.838.356 đồng. Công ty đã có Công văn số 832/HACHEMMECO - TCHC ngày 31/10/2013 đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Bắc Giang khoan nợ và miễn tính lãi chậm nộp và ngày 31/12/2014 Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có Công văn số 3790/KL - UBND đề nghị Bảo hiểm Bắc Giang xem xét, có chính sách khoan nợ, miễn hoặc giảm tiền lãi chậm nộp cho những doanh nghiệp thực sự khó khăn trong giai đoạn vừa qua để tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội khôi phục lại sản xuất. Đến nay BHXH tỉnh Bắc Giang chưa có ý kiến xử lý chính thức theo công văn số 3790/KL - UBND của UBND tỉnh Bắc Giang.

Trong năm 2018, Công ty TNHH MTV Xây lắp Hóa Chất không hạch toán khoản phải trả tiền lãi vay vốn cá nhân vào chi phí tài chính theo Biên bản họp giữa Công ty và các Chi nhánh số 160/BBH-XLHC ngày 25/05/2015 và Công văn số 238/ CV-XLHC-TCKT ngày 05/09/2014 của Công ty do các Chi nhánh thực hiện huy động vốn không dùng thẩm quyền.

Báo cáo kiểm toán hợp nhất này được phát hành thay thế cho Báo cáo Kiểm toán hợp nhất số 397/2019/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM ngày 05 tháng 04 năm 2019 do Công ty con Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp đã lập lại Báo cáo tài chính năm 2018 vào ngày 22/04/2019 theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 12/04/2019 và Báo cáo giải trình của Công ty ngày 12/04/2019 về điều chỉnh Báo cáo tài chính năm 2018, trong đó điều chỉnh tăng giá trị dở dang Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn Hà Nội - Phần ngầm tăng 11,46 tỷ đồng do khoản chi phí này sẽ được Công ty thực hiện kiểm tra quyết toán và sẽ được ghi nhận sau khi quyết toán dự án và xác định rõ trách nhiệm cá nhân, tập thể liên quan, và điều chỉnh giảm chi phí phải trả trích trước của Dự án tổ hợp Thương mại Văn phòng 119 đường K2 Cầu Diễn Hà Nội - Phần ngầm 22,52 tỷ đồng do trích sai và để làm rõ một số chi phí vượt so với phương án kinh tế, làm tổng số lỗ của Công ty con giảm tương ứng 33,98 tỷ đồng.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/02/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

A handwritten signature in black ink, likely belonging to Nguyễn Ngọc Khánh.

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01-DN/HN

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.690.970.195.446	2.860.198.314.738
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	286.265.905.190	424.538.991.409
1. Tiền	111		244.751.905.430	321.324.086.106
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.513.999.760	103.214.905.303
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.511.000.000	128.217.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		4.774.000.000	1.129.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	22.737.000.000	127.088.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.397.388.454.023	1.439.587.717.177
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.095.534.549.701	1.148.188.440.533
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	183.723.706.808	204.255.456.852
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.988.531.901	3.148.531.901
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	250.615.539.239	220.879.975.613
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(141.405.458.923)	(142.816.273.019)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		5.931.585.297	5.931.585.297
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	944.752.096.743	817.177.598.004
1. Hàng tồn kho	141		945.675.247.331	820.252.984.832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(923.150.588)	(3.075.386.828)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.052.739.490	50.677.008.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	23.579.206.352	41.493.787.412
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.017.095.168	5.622.709.063
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	5.9	3.456.437.970	3.560.511.673
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		3.371.894.220.870	3.433.524.846.004
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.898.010.908	9.452.990.206
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	6.898.010.908	9.452.990.206
II. Tài sản cố định	220		2.951.257.787.375	2.971.248.349.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	2.936.326.633.555	2.955.695.349.149
- Nguyên giá	222		4.495.197.693.459	4.371.020.329.387
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.558.871.059.904)	(1.415.324.980.238)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	4.737.878.784	5.274.242.424
- Nguyên giá	225		5.363.636.364	5.363.636.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(625.757.580)	(89.393.940)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	10.193.275.036	10.278.757.825
- Nguyên giá	228		15.010.058.443	14.907.282.886
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.816.783.407)	(4.628.525.061)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.13	1.000.000.000	1.000.000.000
1. Nguyên giá	231		1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.14	33.424.106.050	79.788.649.810
1. Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		8.532.843.531	8.532.843.531
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.891.262.519	71.255.806.279
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.15	235.966.761.561	234.920.145.476
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		196.651.766.336	195.310.469.151
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.045.988.675	43.141.408.675
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.730.993.450)	(3.531.732.350)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		143.347.554.976	137.114.711.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	143.347.554.976	137.035.509.839
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	79.201.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		6.062.864.416.316	6.293.723.160.742

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		6.421.807.512.609	6.333.219.347.307
I. Nợ ngắn hạn	310		2.799.299.525.182	2.754.581.448.259
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	1.110.238.106.802	1.178.274.634.279
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	384.351.868.917	299.733.855.813
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	144.936.318.970	148.201.824.900
4. Phải trả người lao động	314		79.556.246.245	102.547.719.630
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	151.882.985.796	233.833.513.941
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.19	568.405.523	457.771.111
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	253.213.865.860	224.374.611.672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	626.855.319.384	504.727.584.698
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.22	20.853.129.279	39.754.442.621
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		26.843.278.406	22.675.489.594
II. Nợ dài hạn	330		3.622.507.987.427	3.578.637.899.048
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.16	29.057.351.338	29.057.351.338
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.18	190.174.354	190.174.354
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.20	2.504.237.483	5.067.352.377
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.23	3.563.109.348.099	3.489.044.755.682
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		187.978.879	(18.008.563)
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.22	27.458.897.274	55.296.273.860
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	5.24	(358.943.096.293)	(39.496.186.565)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(358.943.096.293)	(39.496.186.565)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		550.000.000.000	550.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(63.956.561)	(1.812.761)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		55.448.907.193	44.452.796.823
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.206.181.547.916)	(872.153.484.899)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(892.692.313.875)	(872.153.484.899)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(313.489.234.041)	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		241.853.500.991	238.206.314.272
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		6.062.864.416.316	6.293.723.160.742

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

Người lập

Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng

Hoàng Thế Hiền

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.25	3.397.825.423.601	4.284.855.482.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.25	3.628.503.250	9.731.864.904
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.25	3.394.196.920.351	4.275.123.617.523
4. Giá vốn hàng bán	11	5.26	3.204.803.729.024	3.974.982.943.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		189.393.191.327	300.140.673.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.27	9.848.539.360	23.889.722.099
7. Chi phí tài chính	22	5.28	330.202.333.614	169.589.845.204
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		171.849.348.706	150.814.586.679
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		4.748.202.394	6.834.703.792
9. Chi phí bán hàng	25	5.29	27.968.167.778	38.106.110.903
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.30	210.293.518.485	232.455.703.807
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+(24)-(25+26)}	30		(364.474.086.796)	(109.286.560.261)
12. Thu nhập khác	31		112.418.042.542	97.737.215.141
13. Chi phí khác	32		15.576.813.460	15.532.375.433
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.31	96.841.229.082	82.204.839.708
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(267.632.857.714)	(27.081.720.553)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.32	17.051.842.981	26.996.138.063
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		20.664.279	43.609.034
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) (*)	60		(284.705.364.974)	(54.121.467.650)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(313.489.234.041)	(92.665.024.908)
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		28.783.869.067	38.543.557.258
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.33	(5.700)	(1.858)

(*): Trong đó:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp không bao gồm kết quả của Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn là: 76.732.921.249 đồng.

- Lỗ từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Xi măng Quang Sơn trong năm 2018 là (361.438.286.223 đồng).

Người lập

Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng

Hoàng Thế Hiền

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(267.632.857.714)	(27.081.720.553)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		155.518.865.427	143.026.978.981
- Các khoản dự phòng	03		(48.102.479.164)	(8.119.306.417)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		153.933.536.061	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.531.894.333)	(23.889.722.099)
- Chi phí lãi vay	06		171.849.348.706	150.814.586.679
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		155.034.518.983	234.750.816.591
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43.206.229.804	(60.070.853.259)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125.422.262.499)	56.734.120.421
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(179.792.537.086)	(94.309.143.145)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.602.535.923	(29.357.409.290)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(171.849.348.706)	(150.814.586.679)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(22.709.647.613)	(27.634.959.089)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.367.713.788
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.374.929.794)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(295.305.440.988)	(69.334.300.662)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(139.412.053.885)	(28.668.143.702)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.847.305.124	8.500.973.967
4. Tiền TH cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		104.351.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.904.580.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.190.597.148	23.889.722.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.927.731.613)	3.722.552.364
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.036.055.643.615	1.724.185.746.998
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.839.863.316.512)	(1.835.271.165.523)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.290.348.809)	(27.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		179.901.978.294	(138.585.418.525)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(138.331.194.307)	(204.197.166.823)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		424.538.991.409	628.736.158.232
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		58.108.088	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	286.265.905.190	424.538.991.409

Người lập

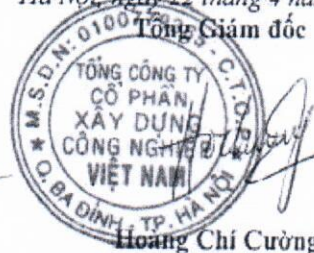
Lê Đức Thọ

Kế toán trưởng

Hoàng Thế Hiền

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

Tổng Giám đốc



Hoàng Chí Cường